

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 9 - 2025

Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thuý Nga

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số A, đường số E, tổ B, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Phúc Lệ H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số A, đường số E, tổ B, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh Lê Văn T, chị Phan Phúc Lê H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ. Sau khi kết hôn anh T, chị H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, tranh cãi. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc nên anh T, chị H đã nhiều lần hoà giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, hiện nay anh T không còn tình cảm với chị H nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Anh T, chị H không có con chung; về tài sản chung, nợ chung anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn chị Phan Phúc Lê H trình bày:

Chị H, anh T kết hôn với nhau vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ. Chị H, anh T chung sống với nhau đến năm 2021 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hoà hợp, cảm thông, yêu thương nhau. Do đó, chị H đồng ý ly hôn; về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phan Phúc L H hiện cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng và quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung; mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Tại phiên vắng mặt các đương sự nhưng đều có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung Hội đồng xét xử vụ án theo luật định.

[3] Vụ án T1 án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng không tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung

[4] Anh Lê Văn T, chị Phan Phúc Lệ H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/01/2007, số vào sổ 001/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh T, chị H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã tự động viên, khuyên bảo, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả, nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, từ đó anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc hay liên lạc gì nhau. Anh T yêu cầu được ly hôn chị H cũng đồng ý. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh T, chị H đều trình bày không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung; mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025; khoản 1

Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Phan Phúc Lệ H.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 08/01/2007, số vào sổ 001/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) hết hiệu lực kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000463, ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Cơ quan THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa